

BẢNG TỔNG HỢP ĐTB, HẠNH KIỂM, HỌC LỰC, DANH HIỆU
HỌC KỲ 1 - NĂM HỌC 2015-2016

TT	Họ và tên	HK	Toán	Vật lý	Hóa	Sinh	Tin	Ngữ văn	L.Sử	Địa lý	Tiếng anh	GDCD	C Nghệ	Tđục	GDQP		ĐTB	Nghi CP, KP	Học lực	Hạnh kiểm	Danh hiệu	Kết quả
1	Nguyễn Thị Anh	HK1	8.4 ₂	7.0 ₂₃	8.1 ₅	7.5 ₁₆	7.1 ₂₆	6.4 ₇	8.3 ₅	8.2 ₆	8.1 ₂	7.7 ₃	7.4 ₁₇	Đ			7.7 ₅	0 0	K	T	TT	
2	Nguyễn Thị Anh	HK1	6.1 ₂₀	7.8 ₁₄	7.4 ₁₄	7.5 ₁₆	6.7 ₂₇	6.0 ₁₃	8.5 ₃	8.2 ₆	7.2 ₁₅	6.4 ₁₇	6.6 ₂₁	Đ			7.1 ₁₈	0 0	Tb	K		
3	Phạm Hữu Tuấn Anh	HK1	6.3 ₁₅	7.0 ₂₃	8.4 ₂	8.2 ₄	8.2 ₄	5.8 ₂₁	8.3 ₅	8.1 ₉	6.9 ₂₀	7.1 ₇	8.5 ₆	Đ			7.5 ₈	0 0	Tb	T		
4	Nguyễn Văn Anh	HK1	5.1 ₂₉	6.6 ₂₈	7.4 ₁₄	7.3 ₂₂	7.4 ₂₀	5.7 ₂₄	7.1 ₂₃	7.2 ₂₆	6.7 ₂₃	6.8 ₁₄	7.5 ₁₆	Đ			6.8 ₂₂	1 0	Tb	K		
5	Nguyễn Thành Duy	HK1	6.0 ₂₃	7.7 ₁₆	6.4 ₂₄	7.5 ₁₆	7.6 ₁₃	5.9 ₁₆	7.1 ₂₃	6.2 ₂₉	7.1 ₁₆	7.0 ₉	8.0 ₁₁	CD			7.0 ₂₁	2 0	Y	TB		
6	Nguyễn Thị Duyên	HK1	6.9 ₉	8.3 ₆	7.5 ₁₁	7.5 ₁₆	8.0 ₈	6.4 ₇	8.1 ₉	7.7 ₁₅	7.0 ₁₈	7.7 ₃	6.4 ₂₂	Đ			7.4 ₁₀	3 0	K	T	TT	
7	Nguyễn Thị Thùy Dương	HK1	8.0 ₄	8.9 ₂	7.7 ₉	8.1 ₅	8.1 ₆	6.9 ₂	8.1 ₉	8.4 ₃	7.7 ₅	7.1 ₇	8.6 ₄	Đ			8.0 ₂	0 0	G	T	GIOI	
8	Võ Đạt	HK1	5.3 ₂₆	7.9 ₁₁	6.8 ₂₁	7.7 ₁₂	7.5 ₁₆	6.2 ₉	7.5 ₁₈	8.1 ₉	6.5 ₂₄	6.6 ₁₅	9.4 ₁	CD			7.2 ₁₄	0 0	Y	K		
9	Nguyễn Trường Giang	HK1	6.9 ₉	7.7 ₁₆	7.5 ₁₁	7.7 ₁₂	8.4 ₁	5.7 ₂₄	6.7 ₂₈	7.9 ₁₂	7.1 ₁₆	8.0 ₁	8.0 ₁₁	Đ			7.4 ₁₀	0 0	K	T	TT	
10	Nguyễn Thị Hà	HK1	6.7 ₁₂	8.9 ₂	7.6 ₁₀	7.6 ₁₄	7.8 ₉	6.0 ₁₃	7.0 ₂₆	7.6 ₁₈	7.7 ₅	7.5 ₅	5.8 ₂₇	Đ			7.3 ₁₃	0 0	K	T	TT	
11	Nguyễn Thu Hiền	HK1	6.2 ₁₈	7.3 ₁₉	7.0 ₂₀	7.1 ₂₃	7.5 ₁₆	5.8 ₂₁	7.6 ₁₇	7.5 ₂₀	6.9 ₂₀	5.9 ₂₄	5.7 ₂₈	Đ			6.8 ₂₂	0 0	Tb	T		
12	Vũ Quang Hòa	HK1	6.3 ₁₅	7.4 ₁₈	6.1 ₂₆	8.0 ₈	7.5 ₁₆	5.9 ₁₆	7.4 ₂₀	7.9 ₁₂	6.9 ₂₀	6.9 ₁₂	7.8 ₁₃	Đ			7.1 ₁₈	0 0	Tb	T		
13	Nguyễn Thị Hòa	HK1	8.5 ₁	8.0 ₇	9.2 ₁	7.4 ₂₁	8.1 ₆	6.0 ₁₃	8.3 ₅	8.1 ₉	7.9 ₄	6.6 ₁₅	7.1 ₁₉	Đ			7.7 ₅	0 0	K	T	TT	
14	Phạm Hữu Huy	HK1	8.2 ₃	8.0 ₇	8.3 ₃	8.4 ₂	8.4 ₁	6.6 ₅	7.9 ₁₃	9.1 ₁	8.1 ₂	6.4 ₁₇	8.3 ₈	Đ			8.0 ₂	0 0	K	T	TT	
15	Phạm Thị Huyền	HK1	6.7 ₁₂	7.9 ₁₁	7.2 ₁₇	7.0 ₂₆	7.5 ₁₆	6.2 ₉	7.4 ₂₀	7.9 ₁₂	7.5 ₁₀	6.4 ₁₇	5.9 ₂₆	Đ			7.1 ₁₈	0 0	K	T	TT	
16	Nguyễn Ngọc Lâm	HK1	5.3 ₂₆	6.0 ₂₉	6.8 ₂₁	7.6 ₁₄	7.2 ₂₃	5.4 ₂₆	7.1 ₂₃	7.3 ₂₅	6.0 ₂₈	5.1 ₂₇	6.4 ₂₂	Đ			6.4 ₂₇	3 0	Tb	Y		
17	Nguyễn Đức Nghĩa	HK1	6.4 ₁₄	7.8 ₁₄	7.1 ₁₈	8.3 ₃	7.6 ₁₃	5.9 ₁₆	7.0 ₂₆	7.4 ₂₂	6.5 ₂₄	6.1 ₂₃	8.9 ₃	Đ			7.2 ₁₄	1 0	Tb	T		
18	Phạm Tuấn Nghĩa	HK1	8.0 ₄	8.7 ₅	8.3 ₃	7.8 ₁₁	8.2 ₄	6.6 ₅	8.7 ₁	8.5 ₂	7.7 ₅	7.3 ₆	8.3 ₈	Đ			8.0 ₂	0 0	G	T	GIOI	
19	Lê Nguyễn Hải Ninh	HK1	6.1 ₂₀	6.8 ₂₆	7.1 ₁₈	6.8 ₂₇	6.6 ₂₈	5.3 ₂₇	6.6 ₂₉	6.9 ₂₈	5.2 ₂₉	6.2 ₂₂	5.7 ₂₈	Đ			6.3 ₂₉	5 2	Tb	TB		
20	Nguyễn Thế Quang	HK1	7.2 ₇	8.0 ₇	7.5 ₁₁	7.1 ₂₃	7.2 ₂₃	5.3 ₂₇	7.9 ₁₃	8.2 ₆	7.3 ₁₄	6.4 ₁₇	7.1 ₁₉	Đ			7.2 ₁₄	1 0	K	T	TT	
21	Nguyễn Thị Thanh	HK1	6.8 ₁₁	7.9 ₁₁	8.0 ₇	8.0 ₈	7.7 ₁₁	7.3 ₁	8.3 ₅	8.4 ₃	7.5 ₁₀	7.0 ₉	6.4 ₂₂	Đ			7.6 ₇	0 0	K	T	TT	
22	Vũ Văn Thanh	HK1	6.2 ₁₈	7.3 ₁₉	6.1 ₂₆	7.1 ₂₃	7.4 ₂₀	5.9 ₁₆	7.5 ₁₈	7.7 ₁₅	6.5 ₂₄	5.9 ₂₄	7.6 ₁₅	Đ			6.8 ₂₂	0 0	Tb	K		
23	Nguyễn Thị Thùy	HK1	6.1 ₂₀	9.1 ₁	7.8 ₈	8.1 ₅	7.6 ₁₃	6.9 ₂	8.1 ₉	7.7 ₁₅	7.7 ₅	3.9 ₂₉	8.6 ₄	Đ			7.4 ₁₀	1 0	Tb	T		
24	Nguyễn Thị Thủy	HK1	5.6 ₂₅	7.1 ₂₂	5.9 ₂₈	6.6 ₂₈	7.7 ₁₁	6.1 ₁₁	8.6 ₂	7.6 ₁₈	7.5 ₁₀	4.6 ₂₈	7.3 ₁₈	Đ			6.8 ₂₂	0 0	Tb	T		
25	Vũ Văn Tinh	HK1	5.7 ₂₄	6.8 ₂₆	6.2 ₂₅	8.0 ₈	7.4 ₂₀	5.9 ₁₆	7.9 ₁₃	7.4 ₂₂	7.6 ₉	6.9 ₁₂	9.3 ₂	Đ			7.2 ₁₄	0 0	Tb	TB		
26	Hoàng Xuân Tinh	HK1	5.3 ₂₆	6.9 ₂₅	6.6 ₂₃	7.5 ₁₆	6.4 ₂₉	5.8 ₂₁	7.4 ₂₀	7.0 ₂₇	7.0 ₁₈	6.4 ₁₇	7.7 ₁₄	Đ			6.7 ₂₆	0 0	Tb	K		
27	Nguyễn Thị Thu Trang	HK1	8.0 ₄	8.8 ₄	8.1 ₅	8.6 ₁	8.4 ₁	6.8 ₄	8.5 ₃	8.4 ₃	8.3 ₁	7.9 ₂	8.2 ₁₀	Đ			8.2 ₁	0 0	G	T	GIOI	
28	Nguyễn Đức Trung	HK1	7.1 ₈	8.0 ₇	7.3 ₁₆	8.1 ₅	7.8 ₉	6.1 ₁₁	7.9 ₁₃	7.4 ₂₂	7.5 ₁₀	7.0 ₉	8.5 ₆	Đ			7.5 ₈	1 0	K	T	TT	
29	Nguyễn Anh Tuấn	HK1	6.3 ₁₅	7.2 ₂₁	5.2 ₂₉	6.4 ₂₉	7.2 ₂₃	5.1 ₂₉	8.1 ₉	7.5 ₂₀	6.4 ₂₇	5.2 ₂₆	6.3 ₂₅	Đ			6.4 ₂₇	0 0	Tb	K		

TT	Họ và tên	HK	Toán	Vật lý	Hóa	Sinh	Tin	Ngữ văn	L.Sử	Địa lý	Tiếng anh	GDCD	C Nghệ	Tdục	GDQP		ĐTB	Nghĩ CP, KP	Học lực	Hạnh kiểm	Danh hiệu	Kết quả
----	-----------	----	------	--------	-----	------	-----	------------	------	--------	--------------	------	--------	------	------	--	-----	----------------	------------	--------------	--------------	------------

Số ngày nghỉ có phép:	18	Hạnh kiểm:				Học lực:					Danh hiệu:											
Số ngày nghỉ không phép:	2	- Tốt: 19				- Giỏi: 3					- Giỏi: 3											
		- Khá: 6				- Khá: 10					- Tiên tiến: 10											
		- Trung bình: 3				- Trung bình: 14																
		- Yếu: 1				- Yếu: 2																
						- Kém: 0																

Ngày..... tháng..... năm
 GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM
 (chữ ký, họ tên)

Ngày..... tháng..... năm
 HIỆU TRƯỞNG
 (chữ ký, họ tên, đóng dấu)